

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2014

**THÔNG TƯ**

**Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.**

---

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện công văn số 7092/VPCP-KTTH ngày 11/9/2012 của Văn phòng Chính phủ về việc chế độ tiền lương của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước; công văn số 10661/VPCP-KTTH ngày 26/12/2012 của Văn phòng Chính phủ về việc cơ chế tự chủ tài chính đối với Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng.*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án (sau đây viết tắt là BQLDA) của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Đối tượng điều chỉnh: Các chủ đầu tư, BQLDA, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát thanh toán đối với các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

3. Doanh nghiệp tư vấn khi thực hiện hợp đồng tư vấn quản lý dự án ký với các chủ đầu tư, BQLDA khác không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này.

#### **Điều 2. Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án**

Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA gồm có:

1. Các khoản thu từ chi phí quản lý dự án, chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng trong tổng mức đầu tư của các dự án được giao quản lý và thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Các khoản thu này tính vào chi phí đầu tư của các dự án tương ứng. Mức thu theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành.

2. Các khoản thu từ hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng cho các chủ đầu tư khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. Các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư của các dự án được giao quản lý. Mức thu theo hợp đồng được ký kết, không trái với quy định của pháp luật.

3. Các khoản thu khác: Thu tiền bán hồ sơ mời thầu và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có). Các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư của các dự án được giao quản lý. Mức thu cụ thể không trái với quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Phân nhóm ban quản lý dự án**

1. Nhóm I: Là Ban quản lý dự án đầu tư do chủ đầu tư quyết định thành lập để quản lý một hoặc một số dự án của chủ đầu tư và không đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này (sau đây viết tắt là BQLDA nhóm I).

2. Nhóm II: Là Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng chuyên nghiệp do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng các cơ quan khác ở trung ương, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Giám đốc các Sở, ngành cấp tỉnh quyết định thành lập (sau đây viết tắt là BQLDA nhóm II) để quản lý nhiều dự án của chủ đầu tư, theo địa bàn hoặc lĩnh vực và có đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân độc lập; có tổ chức bộ máy chặt chẽ và tổ chức kế toán theo quy định của Luật Kế toán;

b) Có đủ điều kiện về năng lực quản lý dự án, năng lực tư vấn trong hoạt động đầu tư và xây dựng; được cấp quyết định thành lập cho phép cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng cho các chủ đầu tư khác theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

c) Tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động của đơn vị từ nguồn chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn hoạt động đầu tư xây dựng của các dự án được giao quản lý; nguồn thu từ các hợp đồng tư vấn quản lý dự án, hợp đồng tư vấn hoạt động đầu tư xây dựng cho các chủ đầu tư khác và các nguồn thu hợp pháp khác;

d) Tự nguyện xây dựng đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I thực hiện việc lập dự toán, quyết toán thu chi theo quy định tại Mục 1 Chương II Thông tư này. BQLDA nhóm II thực hiện việc lập dự toán, quyết toán thu chi hàng năm theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này.

#### **Điều 4. Chế độ kế toán**

Chủ đầu tư, BQLDA thực hiện theo Thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư; trong đó:

1. Các khoản thu từ việc thực hiện quản lý dự án và thực hiện các công việc tư vấn đầu tư xây dựng thuộc các dự án được giao quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hạch toán vào nguồn kinh phí đầu tư xây dựng của dự án.

2. Các khoản thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng kinh tế và các khoản thu khác hạch toán vào doanh thu của BQLDA.

#### **Điều 5. Tài khoản giao dịch**

1. Chủ đầu tư, BQLDA mở tài khoản giao dịch để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư, BQLDA quản lý nhiều dự án được mở một tài khoản chung tại một cơ quan thanh toán vốn đầu tư để tiếp nhận nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án của tất cả các dự án được giao quản lý.

2. Cơ quan thanh toán vốn đầu tư thực hiện thanh toán chi phí từ hoạt động quản lý dự án theo dự toán do chủ đầu tư, BQLDA phê duyệt, chế độ thanh toán vốn đầu tư, chế độ quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

3. BQLDA có các hoạt động dịch vụ được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi của hoạt động dịch vụ.

#### **Điều 6. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước**

BQLDA có các khoản thu từ việc bán hồ sơ mời thầu và hoạt động dịch vụ tư vấn cho các chủ đầu tư, BQLDA khác phải thực hiện đăng ký, nộp đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

#### **Điều 7. Quản lý và sử dụng tài sản**

Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phục vụ quản lý dự án thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I thực hiện theo quy định về quản lý, sử

dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước. BQLDA nhóm II thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Mục 1**

#### **ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ VÀ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÓM I**

##### **Điều 8. Lập dự toán thu, chi quản lý dự án**

1. Chủ đầu tư, BQLDA quản lý một dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn hoặc bằng 15 tỷ đồng không phải lập và duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án; nhưng phải tuân thủ các nội dung chi quy định tại Điều 10 Thông tư này và không vượt định mức trích theo quy định.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư quyết định việc lập và phê duyệt một dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng hoặc lập và duyệt 02 dự toán thu, chi quản lý dự án riêng cho chủ đầu tư và BQLDA để thuận tiện sử dụng.

3. Cơ sở để lập dự toán thu, chi quản lý dự án

a) Quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt dự toán; quyết định thành lập BQLDA;

b) Các khoản thu quy định tại Điều 2 Thông tư này.

c) Các quy định về định mức trích chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng hiện hành của các dự án sử dụng vốn nhà nước;

d) Bảng tính lương năm của cán bộ quản lý dự án theo Mẫu số 03/TĐ-BQLDA kèm theo, trong đó xác định rõ danh sách cán bộ trực tiếp tham gia quản lý dự án theo 3 mục: cán bộ hưởng lương từ dự án, cán bộ hưởng lương theo hợp đồng, cán bộ kiêm nhiệm quản lý dự án.

đ) Các quy định về quản lý tài chính hiện hành đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Các căn cứ cần thiết khác của dự án.

4. Nội dung dự toán thu, chi quản lý dự án gồm có 02 phần: Dự toán thu và Dự toán chi.

## Điều 9. Nội dung dự toán thu

c) Xác định nguồn thu được trích theo từng dự án:

1) Các xác định nguồn thu trích theo từng dự án được giao quản lý do phụ thuộc vào số 01(i)D1-1); DA = Bảng tính nguồn thu theo dự án (kèm theo) của số 01(i)D1-01 DA lập riêng cho từng dự án (i) chạy từ 1 đến n, cụ thể như sau:

a) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo quy hoạch theo văn bản quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng để xác định cho quản lý dự án và chi trả cho các dự án xây dựng của các cơ sở kỹ thuật, tư vấn và thiết kế xây dựng và các thành viên trong ban chấp hành để phân bổ vốn đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đồng thời để làm cơ sở dự án và định mức trích vốn đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

b) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền xác định mức đầu tư chi phí từ vốn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng thực hiện. Các dự án lập khoản chi phí từ vốn không được phân bổ vốn đầu tư xây dựng theo quy định.

c) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền xác định mức đầu tư chi phí từ vốn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng thực hiện.

d) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

e) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

f) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

g) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

h) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

i) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền xác định mức đầu tư chi phí từ vốn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng thực hiện.

j) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

k) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

l) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

m) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

n) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

o) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

p) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

q) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

r) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

s) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

t) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

u) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

v) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

w) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

x) Văn cơ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích vốn đầu tư từ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

e) Dự kiến phân bổ chi phí quản lý dự án cho các năm triển khai thực hiện dự án.

2. Lập Dự toán thu năm kế hoạch theo Mẫu số 02/DT-QLDA kèm theo, trong đó xác định rõ: Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang, Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý, Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có), Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu và Nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có); Tổng kinh phí được sử dụng, lũy kế kinh phí đã sử dụng các năm trước, kinh phí dự kiến sử dụng năm kế hoạch, kinh phí để sử dụng các năm sau.

### **Điều 10. Nội dung dự toán chi**

Nội dung dự toán chi của chủ đầu tư, BQLDA được ghi trong Mẫu số 04/DT-QLDA, gồm các khoản chi cụ thể như sau:

#### **1. Chi tiền lương:**

a) Chi lương ngạch, bậc theo quỹ lương được giao; lương hợp đồng dài hạn đối với các cá nhân được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương.

b) Thu nhập tăng thêm: Căn cứ tổng mức kinh phí quản lý dự án được sử dụng trong năm để lập dự toán và cân đối các khoản chi theo quy định; trường hợp tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài chi lương), sau khi bố trí đủ 18 khoản chi trong dự toán theo quy định tại Điều này đảm bảo đúng đối tượng và chế độ theo quy định; chủ đầu tư và ban quản lý dự án được chi thu nhập tăng thêm cho những người hưởng lương từ chi phí quản lý dự án theo hệ số điều chỉnh như sau:

- Đối với BQLDA đầu tư xây dựng công trình nhóm B và nhóm C không quá 1,1 lần quỹ lương tính theo mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Đối với BQLDA đầu tư xây dựng công trình quan trọng quốc gia và BQLDA đầu tư xây dựng công trình có quản lý dự án nhóm A không quá 1,7 lần quỹ lương tính theo mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

c) Chủ đầu tư, BQLDA xây dựng Quy chế chi thu nhập tăng thêm theo hướng gắn với khối lượng, nhiệm vụ công việc được giao, mức độ hoàn thành

công việc, bảo đảm thu hút được lao động có trình độ cao và tương quan hợp lý với tiền lương của cán bộ, công chức trong cùng đơn vị; báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định hoặc có văn bản chấp thuận trước khi ban hành Quy chế.

2. Chi tiền công trả cho lao động theo hợp đồng.

3. Các khoản phụ cấp lương: chức vụ, khu vực, thu hút, làm đêm, thêm giờ, độc hại, nguy hiểm, lưu động, trách nhiệm, phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án, phụ cấp khác theo quy định của pháp luật.

a) Đối với phụ cấp làm thêm giờ phải tuân thủ quy định của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Đối với phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức được phân công làm việc kiêm nhiệm quản lý dự án tại một BQLDA được hưởng phụ cấp quản lý dự án theo tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc tại dự án. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án một tháng cho một cá nhân tối đa bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của cá nhân đó.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được phân công làm kiêm nhiệm ở nhiều BQLDA thì mức phụ cấp quản lý dự án kiêm nhiệm được xác định tương ứng với tỷ lệ thời gian làm việc cho từng dự án, nhưng tổng mức phụ cấp của tất cả các dự án làm kiêm nhiệm tối đa bằng 100% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của cá nhân đó.

Những người đã hưởng lương theo quy định tại Khoản 1 Điều này không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại Khoản này.

4. Chi tiền thưởng: thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất (nếu có) và các chi phí liên quan đến khen thưởng. Mức chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng. Mức trích lập dự toán chi tiền thưởng tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch bậc của số cán bộ, công nhân, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử



dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5. Chi phúc lợi tập thể: thanh toán tiền nghỉ phép, nghỉ chế độ, trợ cấp khó khăn thường xuyên, trợ cấp khó khăn đột xuất, tiền thuốc y tế, tiền khám bệnh định kỳ.

6. Các khoản đóng góp: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn, trích nộp khác đối với các cá nhân được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Chi thanh toán dịch vụ: tiền điện, tiền nước, vệ sinh môi trường, nhiên liệu, khoán phương tiện, các dịch vụ khác.

8. Chi mua vật tư văn phòng: công cụ, dụng cụ văn phòng, tủ tài liệu, bàn ghế, văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, khác.

9. Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc: cước phí điện thoại, bưu chính, Fax, Internet, tuyên truyền, quảng cáo, sách, báo, tài liệu quản lý.

10. Chi phí hội nghị.

11. Chi thanh toán công tác phí.

12. Chi phí thuê mướn: thuê phương tiện đi lại, nhà làm việc, thiết bị phục vụ các loại, thuê chuyên gia và giảng viên, thuê đào tạo lại cán bộ, thuê mướn khác.

13. Chi đoàn ra: tiền vé máy bay, tàu, xe, thuê phương tiện đi lại, tiền ăn, ở, tiêu vật.

14. Chi đoàn vào: tiền vé máy bay, tàu, xe, thuê phương tiện đi lại, tiền ăn, ở, tiêu vật.

15. Chi sửa chữa tài sản.

16. Chi phí mua sắm tài sản dùng cho quản lý dự án: nhà cửa, phương tiện đi lại, thiết bị phòng cháy chữa cháy, máy tính, phần mềm máy tính, máy văn phòng, tài sản khác.

17. Chi phí khác: nộp thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm tài sản và phương tiện, tiếp khách, khác.

18. Dự phòng: bằng 10% của dự toán.

Định mức chi tiêu đối với các khoản chi tại điều này thực hiện theo các quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **Điều 11. Thẩm định, phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án**

1. Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt dự toán chi quản lý dự án. Trường hợp BQLDA thực hiện quản lý nhiều dự án cho nhiều chủ đầu tư thì chủ đầu tư trực tiếp thành lập BQLDA thực hiện thẩm định và phê duyệt dự toán chi quản lý dự án.

2. Hồ sơ trình thẩm định dự toán chi quản lý dự án:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt; quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt dự toán công trình; quyết định thành lập BQLDA;

b) Bảng tính nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA;

c) Dự toán thu quản lý dự án theo Mẫu số 02/DT-QLDA.

d) Bảng tính lương năm theo Mẫu số 03/DT-QLDA;

đ) Dự toán chi quản lý dự án năm theo Mẫu số 04/DT-QLDA.

3. Nội dung thẩm định dự toán thu, chi quản lý dự án

a) Thẩm định nội dung công việc, phương pháp tính toán, sự phù hợp trong việc phân bổ nguồn kinh phí cho các năm trong Bảng tính nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA;

b) Thẩm định sự phù hợp trong bảng Dự toán thu quản lý dự án năm theo Mẫu số 02/DT-QLDA;

c) Thẩm định sự phù hợp của các nội dung chi trong dự toán theo Mẫu số 04/DT-QLDA với các tiêu chuẩn, định mức và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

4. Quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm theo Mẫu số 01/QĐ-QLDA được gửi tới BQLDA, cơ quan thanh toán và các đơn vị có liên quan để thực hiện.

5. Trong quá trình sử dụng, chủ đầu tư, BQLDA được chủ động điều chỉnh và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh các khoản chi trong phạm vi dự

toán năm đã duyệt. Trường hợp, vượt dự toán thì phải thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

### **Điều 12. Quyết toán thu, chi quản lý dự án**

1. Khi kết thúc niên độ ngân sách hàng năm chậm nhất là ngày 28/02 năm sau, chủ đầu tư, BQLDA lập báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án trong năm theo Mẫu số 01/QT-QLDA; lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán để làm cơ sở lập dự toán thu, chi quản lý dự án năm sau; không phải thẩm định và phê duyệt quyết toán.

2. Xử lý số dư kinh phí hàng năm: Đối với khoản chênh lệch nguồn thu lớn hơn chi, hoặc các khoản chi trong dự toán được duyệt nhưng chưa chi hết, được chuyển sang thực hiện chi ở các năm sau; đồng thời tổng hợp vào Mẫu số 02/DT-QLDA (Mục I-Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang) để trích lập dự toán cho năm sau.

3. Khi từng dự án được giao quản lý hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, các khoản chi phí quản lý dự án, chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng của từng dự án được quyết toán theo đúng định mức trích (tỷ lệ %) hoặc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong tổng mức đầu tư của dự án. Trường hợp được giao quản lý một dự án, BQLDA phải lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án kèm theo chứng từ chi tiêu theo quy định cùng hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

## **Mục 2**

### **ĐỐI VỚI CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÓM II**

**Điều 13. Nguyên tắc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính**

1. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với khả năng chuyên môn và tài chính của đơn vị, không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính của đơn vị.

2. Thực hiện công khai, dân chủ theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện quyền tự chủ phải gắn với trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật về những quyết định của mình; đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật

#### **Điều 14. Tự chủ về sử dụng nguồn tài chính**

1. Nguồn tài chính của BQLDA nhóm II là các nguồn thu quy định tại Điều 2 Thông tư này.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đối với các khoản chi thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này, Giám đốc BQLDA nhóm II được quyết định một số mức chi quản lý, chi hoạt động nghiệp vụ cao hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định theo quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Căn cứ tính chất công việc, Giám đốc BQLDA nhóm II được quyết định phương thức khoán chi phí cho từng bộ phận, đơn vị trực thuộc; Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm mới và sửa chữa lớn tài sản thực hiện theo quy định hiện hành.

#### **Điều 15. Nội dung chi**

1. Chi thường xuyên, gồm: Tiền lương; tiền công trả cho lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp lương; chi tiền thưởng (thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất nếu có); các khoản đóng góp theo lương; dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc; hội nghị; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi đoàn ra, đoàn vào; khấu hao tài sản cố định; sửa chữa tài sản; các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác theo chế độ quy định.

2. Chi không thường xuyên, gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án, sửa chữa lớn tài sản cố định; chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ hiện hành của Nhà nước (nếu có) và các khoản chi khác có liên quan.

#### **Điều 16. Tiền lương, tiền công và thu nhập**

1. Tiền lương, tiền công: Chi phí tiền lương, tiền công cho cán bộ và người lao động được tính theo lương cấp bậc, chức vụ do Nhà nước quy định.

2. Thu nhập tăng thêm: Nhà nước khuyến khích các BQLDA tăng thu, tiết kiệm chi, thực hiện tinh giản biên chế, tăng thêm thu nhập cho người lao động trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; tùy theo kết quả hoạt động tài chính trong năm, BQLDA được quyết định tổng mức chi trả thu nhập tăng thêm trong năm cho người lao động không quá 3 lần quỹ lương tính theo mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Việc chi trả thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc: người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được trả nhiều hơn. Giám đốc BQLDA chi trả thu nhập theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Khi nhà nước điều chỉnh các quy định về tiền lương, nâng mức lương cơ sở; khoản tiền lương cấp bậc, chức vụ tăng thêm theo chế độ nhà nước quy định do BQLDA tự bảo đảm từ nguồn tài chính của đơn vị

#### **Điều 17. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm**

Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có), BQLDA được sử dụng theo trình tự như sau:

1. Trích lập Quỹ phát triển hoạt động: 10%;
2. Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động;
3. Trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (mức trích do Giám đốc BQLDA quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị);
4. Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi. Mức trích đối với 2 quỹ này tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm.

#### **Điều 18. Sử dụng các quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ**

1. Quỹ phát triển hoạt động sử dụng để bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, hỗ trợ đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ, người lao động.

2. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để chi trong các trường hợp:

a) Tạm ứng cho các khoản chi thường xuyên khi đầu năm chưa có kế hoạch vốn được giao, chưa có nguồn thu hoặc chưa duyệt dự toán. Khi có kế

hoạch vốn được giao, dự toán được duyệt hoặc có nguồn thu thì thực hiện hoàn trả về Quỹ dự phòng ổn định thu nhập;

b) Bảo đảm thu nhập cho người lao động.

3. Quỹ khen thưởng dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Giám đốc BQLDA quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4. Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong BQLDA; trợ cấp khó khăn đột xuất. Giám đốc BQLDA quyết định việc sử dụng quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

### **Điều 19. Quy định về lập, chấp hành dự toán thu, chi**

#### **1. Lập dự toán thu, chi của BQLDA:**

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; căn cứ kết quả hoạt động dịch vụ, tình hình thu, chi tài chính của năm trước liền kề; BQLDA lập dự toán thu, chi năm kế hoạch theo Mẫu số 01(i), 02, 03/DT-QLDA, 05/DT-QLDA gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt. Việc thẩm định, phê duyệt dự toán thu, chi thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này; quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm theo Mẫu số 02/QĐ-QLDA.

#### **2. Thực hiện dự toán thu, chi:**

a) Đối với kinh phí chi hoạt động thường xuyên, trong quá trình thực hiện, BQLDA được điều chỉnh các nội dung chi, các nhóm mục chi trong dự toán chi cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, đồng thời gửi cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan thanh toán nơi đơn vị mở tài khoản để theo dõi, quản lý, thanh toán và quyết toán. Các khoản chưa chi hoặc chi không hết của dự toán được chuyển sang năm sau tiếp tục chi.

b) Đối với kinh phí chi cho hoạt động không thường xuyên: khi điều chỉnh các nhóm mục chi, nhiệm vụ chi, kinh phí cuối năm chưa sử dụng hoặc chưa sử dụng hết, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

## **Điều 20. Quyết toán thu, chi**

1. Kết thúc năm kế hoạch, BQLDA lập báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư, đồng thời lập báo cáo quyết toán thu, chi trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt để làm cơ sở lập dự toán năm sau.

Hồ sơ quyết toán thu, chi năm gồm có:

- a) Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán;
- b) Báo cáo quyết toán thu, chi năm theo Mẫu số 02/QT-QLDA;
- c) Các chứng từ chi tiêu phát sinh trong năm.

2. Thẩm tra quyết toán thu, chi hoạt động thường xuyên hàng năm:

a) Thẩm tra việc phân bổ chi phí quản lý dự án và các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo các năm và năm kế hoạch.

b) Đối chiếu số liệu trong Báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án năm kế hoạch theo Mẫu số 02/QT-QLDA với dự toán năm được duyệt hoặc được điều chỉnh nếu có.

c) Thẩm tra về tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ chi tiêu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi năm theo Mẫu số 03/QT-QLDA kèm theo.

4. Khi từng dự án được giao quản lý hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, các khoản chi phí quản lý dự án, chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng của từng dự án được quyết toán theo đúng định mức trích (tỷ lệ %) hoặc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong tổng mức đầu tư của dự án.

## **CHƯƠNG III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các BQLDA nhóm I:

a) Chịu trách nhiệm toàn bộ về việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án.

b) Thực hiện việc lập dự toán, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án; lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án, lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán với báo cáo quyết toán đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

## 2. Trách nhiệm của Giám đốc BQLDA nhóm II:

a) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

b) Xây dựng phương án thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định gửi cơ quan cấp trên.

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ như đối với các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

d) Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu, chi của đơn vị trong sổ sách kế toán. Thực hiện các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành.

đ) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính theo quy định hiện hành.

## 3. Trách nhiệm của cơ quan thanh toán

a) Chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư theo quy định về thanh toán vốn đầu tư, đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Chịu trách nhiệm đối chiếu và xác nhận kinh phí đã thanh toán trong năm, kinh phí còn dư theo dự toán tại Mẫu số 01/QT-QLDA báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA.

## 4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

a) Quyết định việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đối với các BQLDA đủ điều kiện thuộc nhóm II.



b) Thường xuyên kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý; có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư.

## **Điều 22. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Thông tư số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 17/2013 /TT-BTC ngày 19/02/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi khoản 1 Điều 6 Thông tư số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước. ✓

### **Nơi nhận :**

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Các Tổng Công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu : VT, ĐT (370).

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



**Phạm Sỹ Danh**

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 06/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ)

Mẫu số: 01(i) /DT- QLDA

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

....., ngày    tháng    năm

**BẢNG TÍNH NGUỒN THU THEO DỰ ÁN**

Chủ đầu tư:

BQLDA:

Tên dự án:

Thời gian thực hiện dự án: Từ tháng...năm.... đến tháng...năm....

Đơn vị tính: ...đồng

| TT         | Nội dung công việc, diễn giải                                                                                                                                   | Kết quả                       |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| <b>I</b>   | Chi phí quản lý dự án (hoặc chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch):<br>(Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)                                      | <b>G<sub>QLDA</sub></b>       |
| <b>II</b>  | Các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư, BQLDA thực hiện (nếu có):<br>(Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)                          | <b>G<sub>TV</sub></b>         |
| 1          |                                                                                                                                                                 |                               |
| 2          |                                                                                                                                                                 |                               |
| ...        |                                                                                                                                                                 |                               |
| <b>III</b> | Dự kiến những công việc thuộc chi phí QLDA cần thuê tư vấn (nếu có):                                                                                            | <b>G<sub>TTV</sub></b>        |
| 1          |                                                                                                                                                                 |                               |
| 2          |                                                                                                                                                                 |                               |
| ...        |                                                                                                                                                                 |                               |
| <b>IV</b>  | Tổng mức kinh phí do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng<br>( <b>G<sub>QLDA (CĐT)</sub> = I + II - III</b> ):<br>Trong đó: - Chủ đầu tư sử dụng:<br>- BQLDA sử dụng: | <b>G<sub>QLDA (CĐT)</sub></b> |

**Dự kiến phân bổ cho các năm:**

| Năm thực hiện | Phân bổ chung<br>(... đồng) | Chủ đầu tư sử dụng<br>(...đồng) | BQL sử dụng<br>(... đồng) |
|---------------|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| 20...         |                             |                                 |                           |
| 20...         |                             |                                 |                           |
| ...           |                             |                                 |                           |
| Dự phòng      |                             |                                 |                           |

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

....., ngày    tháng    năm

**DỰ TOÁN THU QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 20...**  
**Đơn vị: (Tên chủ đầu tư / BQLDA).**

*Đơn vị tính:...*

| TT         | Danh mục dự án                                                                       | Tổng<br>kinh phí<br>sử dụng<br>theo dự<br>án | Lũy kế<br>kinh phí đã<br>sử dụng<br>các năm<br>trước | Kinh phí dự kiến sử<br>dụng năm kế hoạch |                  | Kinh phí<br>còn để sử<br>dụng các<br>năm sau |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------|
|            |                                                                                      |                                              |                                                      | Số tiền                                  | Tỷ lệ (1)<br>(%) |                                              |
| 1          | 2                                                                                    | 3                                            | 4                                                    | 5                                        | 6                | 7=3-4-5                                      |
|            | <b>Tổng cộng</b>                                                                     |                                              |                                                      |                                          | <b>100</b>       |                                              |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang</b>                                          |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý</b>                                    |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| 1          | Dự án...                                                                             |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| 2          | Dự án...                                                                             |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| 3          | Dự án...                                                                             |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
|            | ...                                                                                  |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| <b>III</b> | <b>Dự án bổ sung trong năm (nếu có) (2)</b>                                          |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| 1          | Dự án...                                                                             |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| 2          | Dự án...                                                                             |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
|            | ...                                                                                  |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| <b>IV</b>  | <b>Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) đã trừ các khoản thuế phải nộp</b> |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| 1          |                                                                                      |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| 2          |                                                                                      |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
|            | ...                                                                                  |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |
| <b>V</b>   | <b>Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu và nguồn thu hợp pháp khác</b>                    |                                              |                                                      |                                          |                  |                                              |

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

(1) Tỷ lệ (%) bằng Số tiền dự kiến trích của từng dự án chia cho Tổng số tiền dự kiến trích sử dụng trong năm kế hoạch nhân 100%.

(2) Trong quá trình thực hiện, nếu được giao bổ sung dự án, chủ đầu tư/BQLDA lập bổ sung Bảng này, ghi rõ ngày tháng năm lập bổ sung, số tiền trích từ các dự án bổ sung để thực hiện quản lý, xác định lại tỷ lệ trích ở Cột 6 cho từng dự án trên tổng số dự kiến trích làm cơ sở để phê duyệt điều chỉnh hoặc bổ sung dự toán chi phí quản lý dự án năm..

Mẫu số 03/DT- QLDA

TÊN ĐƠN VỊ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BẢNG TÍNH LƯƠNG NĂM .....**

| Số TT      | Họ và tên                        | Mã số ngạch | Hệ số lương | Hệ số phụ cấp chức vụ | Hệ số phụ cấp khu vực | Hệ số phụ cấp khác | Cộng hệ số | Tiền lương và phụ cấp một tháng | Số tháng | Tiền lương và phụ cấp cả năm | Phụ cấp kiêm nhiệm |            |
|------------|----------------------------------|-------------|-------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|------------|---------------------------------|----------|------------------------------|--------------------|------------|
|            |                                  |             |             |                       |                       |                    |            |                                 |          |                              | Hệ số              | Thành tiền |
| 1          | 2                                | 3           | 4           | 5                     | 6                     | 7                  | 8          | 9                               | 10       | 11                           | 12                 | 13         |
| I<br>...   | Cán bộ hưởng lương từ dự án      |             |             |                       |                       |                    |            |                                 |          |                              |                    |            |
| II<br>...  | Cán bộ hưởng lương hợp đồng QLDA |             |             |                       |                       |                    |            |                                 |          |                              |                    |            |
| III<br>... | Cán bộ kiêm nhiệm QLDA           |             |             |                       |                       |                    |            |                                 |          |                              |                    |            |
|            | <b>Tổng cộng</b>                 |             |             |                       |                       |                    |            |                                 |          |                              |                    |            |

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM...**

Tên Chủ đầu tư / BQLDA: .....

Đơn vị tính: ...

| TT  | Nội dung                               | Năm báo cáo        |           | Dự kiến mức chi năm kế hoạch |
|-----|----------------------------------------|--------------------|-----------|------------------------------|
|     |                                        | Dự toán được duyệt | Thực hiện |                              |
| 1   | 2                                      | 3                  | 4         | 5                            |
|     | <b>Tổng cộng</b>                       |                    |           |                              |
| 1   | Tiền lương                             |                    |           |                              |
| 1.1 | Lương theo chế độ                      |                    |           |                              |
| 1.2 | Chi thu nhập tăng thêm                 |                    |           |                              |
| 2   | Tiền công                              |                    |           |                              |
| 3   | Các khoản phụ cấp lương                |                    |           |                              |
| 4   | Chi tiền thưởng                        |                    |           |                              |
| 5   | Chi phúc lợi tập thể                   |                    |           |                              |
| 6   | Các khoản đóng góp                     |                    |           |                              |
| 7   | Thanh toán dịch vụ                     |                    |           |                              |
| 8   | Chi mua vật tư văn phòng               |                    |           |                              |
| 9   | Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền |                    |           |                              |
| 10  | Chi hội nghị                           |                    |           |                              |
| 11  | Chi công tác phí                       |                    |           |                              |
| 12  | Chi thuê mướn                          |                    |           |                              |
| 13  | Chi đoàn ra                            |                    |           |                              |
| 14  | Chi đoàn vào                           |                    |           |                              |
| 15  | Chi sửa chữa tài sản                   |                    |           |                              |
| 16  | Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý    |                    |           |                              |
| 17  | Chi phí khác                           |                    |           |                              |
| 18  | Dự phòng                               |                    |           |                              |

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ trách kế toán**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

....., ngày    tháng    năm

**DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM...**

Tên Chủ đầu tư / BQLDA: .....

Đơn vị tính: ...

| TT        | Nội dung                                               | Năm báo cáo        |           | Dự kiến mức chi năm kế hoạch |
|-----------|--------------------------------------------------------|--------------------|-----------|------------------------------|
|           |                                                        | Dự toán được duyệt | Thực hiện |                              |
| 1         | 2                                                      | 3                  | 4         | 5                            |
|           | <b>Tổng cộng</b>                                       |                    |           |                              |
| <b>I</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                |                    |           |                              |
| 1         | Tiền lương                                             |                    |           |                              |
| 1.1       | Lương theo chế độ                                      |                    |           |                              |
| 1.2       | Chi thu nhập tăng thêm                                 |                    |           |                              |
| 2         | Tiền công                                              |                    |           |                              |
| 3         | Các khoản phụ cấp lương                                |                    |           |                              |
| 4         | Chi tiền thưởng                                        |                    |           |                              |
| 5         | Chi phúc lợi tập thể                                   |                    |           |                              |
| 6         | Các khoản đóng góp                                     |                    |           |                              |
| 7         | Thanh toán dịch vụ                                     |                    |           |                              |
| 8         | Chi mua vật tư văn phòng                               |                    |           |                              |
| 9         | Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền                 |                    |           |                              |
| 10        | Chi hội nghị                                           |                    |           |                              |
| 11        | Chi công tác phí                                       |                    |           |                              |
| 12        | Chi thuê mướn                                          |                    |           |                              |
| 13        | Chi đoàn ra                                            |                    |           |                              |
| 14        | Chi đoàn vào                                           |                    |           |                              |
| 15        | Chi sửa chữa tài sản                                   |                    |           |                              |
| 16        | Chi phí khác                                           |                    |           |                              |
| 17        | Dự phòng                                               |                    |           |                              |
| <b>II</b> | <b>Chi không thường xuyên</b>                          |                    |           |                              |
| 1         | Chi đầu tư xây dựng cơ bản                             |                    |           |                              |
| 2         | Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án |                    |           |                              |
| 3         | Sửa chữa lớn tài sản cố định                           |                    |           |                              |
| 4         | Chi thực hiện tình gián biên chế (nếu có)              |                    |           |                              |
| 5         | Chi khác                                               |                    |           |                              |

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ trách kế toán**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN DUYỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số : /QĐ-

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

Căn cứ .....

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Xét đề nghị của ....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1** : Duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm....

Của Chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý dự án)...

Giá trị dự toán được duyệt là: ..... đồng.

Chi tiết như sau:

| TT       | Nội dung                                                                      | Số tiền<br>(đồng) |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1        | 2                                                                             | 3                 |
| <b>A</b> | <b>DỰ TOÁN THU</b>                                                            |                   |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                              |                   |
| 1        | Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang                                          |                   |
| 2        | Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý                                    |                   |
| 3        | Dự án bổ sung trong năm (nếu có)                                              |                   |
| 4        | Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) đã trừ các khoản thuế phải nộp |                   |
| 5        | Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu và nguồn thu hợp pháp khác                    |                   |
| <b>B</b> | <b>DỰ TOÁN CHI</b>                                                            |                   |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                              |                   |
| 1        | Tiền lương                                                                    |                   |
| 1.1      | Lương theo chế độ                                                             |                   |
| 1.2      | Chi thu nhập tăng thêm                                                        |                   |

|    |                                        |  |
|----|----------------------------------------|--|
| 2  | Tiền công                              |  |
| 3  | Các khoản phụ cấp lương                |  |
| 4  | Chi tiền thưởng                        |  |
| 5  | Chi phúc lợi tập thể                   |  |
| 6  | Các khoản đóng góp                     |  |
| 7  | Thanh toán dịch vụ                     |  |
| 8  | Chi mua vật tư văn phòng               |  |
| 9  | Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền |  |
| 10 | Chi hội nghị                           |  |
| 11 | Chi công tác phí                       |  |
| 12 | Chi thuê mướn                          |  |
| 13 | Chi đoàn ra                            |  |
| 14 | Chi đoàn vào                           |  |
| 15 | Chi sửa chữa tài sản                   |  |
| 16 | Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý    |  |
| 17 | Chi phí khác                           |  |
| 18 | Dự phòng                               |  |

**Điều 2:** Chủ đầu tư, Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- BQLDA....;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



CƠ QUAN DUYỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số : /QĐ-

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

Căn cứ .....

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Xét đề nghị của ....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1 :** Duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm....

Của Chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý dự án)...

Giá trị dự toán được duyệt là: ..... đồng.

Chi tiết như sau:

| TT       | Nội dung                                                                      | Số tiền<br>(đồng) |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1        | 2                                                                             | 3                 |
| <b>A</b> | <b>DỰ TOÁN THU</b>                                                            |                   |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                              |                   |
| 1        | Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang                                          |                   |
| 2        | Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý                                    |                   |
| 3        | Dự án bổ sung trong năm (nếu có)                                              |                   |
| 4        | Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) đã trừ các khoản thuế phải nộp |                   |
| 5        | Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu và nguồn thu hợp pháp khác                    |                   |
| <b>B</b> | <b>DỰ TOÁN CHI</b>                                                            |                   |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                              |                   |
| <b>I</b> | <b>Chi thường xuyên</b>                                                       |                   |
| 1        | Tiền lương                                                                    |                   |

|           |                                                        |  |
|-----------|--------------------------------------------------------|--|
| 1.1       | Lương theo chế độ                                      |  |
| 1.2       | Chi thu nhập tăng thêm                                 |  |
| 2         | Tiền công                                              |  |
| 3         | Các khoản phụ cấp lương                                |  |
| 4         | Chi tiền thưởng                                        |  |
| 5         | Chi phúc lợi tập thể                                   |  |
| 6         | Các khoản đóng góp                                     |  |
| 7         | Thanh toán dịch vụ công cộng                           |  |
| 8         | Chi mua vật tư văn phòng                               |  |
| 9         | Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền                 |  |
| 10        | Chi hội nghị                                           |  |
| 11        | Chi công tác phí                                       |  |
| 12        | Chi thuê mướn                                          |  |
| 13        | Chi đoàn ra                                            |  |
| 14        | Chi đoàn vào                                           |  |
| 15        | Chi sửa chữa tài sản                                   |  |
| 16        | Chi phí khác                                           |  |
| 17        | Dự phòng                                               |  |
| <b>II</b> | <b>Chi không thường xuyên</b>                          |  |
| 1         | Chi đầu tư xây dựng cơ bản                             |  |
| 2         | Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án |  |
| 3         | Sửa chữa lớn tài sản cố định                           |  |
| 4         | Chi thực hiện tình gián biên chế (nếu có)              |  |
| 5         | Chi khác                                               |  |

**Điều 2:** Chủ đầu tư, Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- BQLDA....;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm...

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN**  
**Năm .....**

Tên Chủ đầu tư/ BQLDA:...

- Dự toán được duyệt theo Quyết định số.....ngày....tháng....năm.....:

- Kinh phí quyết toán trong năm:

- Kinh phí chuyển năm sau:

Chi tiết như sau:

| TT       | Nội dung                                                             | Dự toán<br>được duyệt<br>(Đồng) | Đề nghị<br>quyết toán<br>(Đồng) |
|----------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1        | 2                                                                    | 3                               | 4                               |
| <b>A</b> | <b>NGUỒN THU</b>                                                     |                                 |                                 |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                     |                                 |                                 |
| 1        | Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang                                 |                                 |                                 |
| 2        | Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý                           |                                 |                                 |
| 3        | Dự án bổ sung trong năm                                              |                                 |                                 |
| 4        | Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đã trừ các khoản thuế phải nộp |                                 |                                 |
| 5        | Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu và nguồn thu hợp pháp khác           |                                 |                                 |
| <b>B</b> | <b>CÁC KHOẢN CHI</b>                                                 |                                 |                                 |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                     |                                 |                                 |
| 1        | Tiền lương                                                           |                                 |                                 |
| 1.1      | Lương theo chế độ                                                    |                                 |                                 |
| 1.2      | Chi thu nhập tăng thêm                                               |                                 |                                 |
| 2        | Tiền công                                                            |                                 |                                 |
| 3        | Các khoản phụ cấp lương                                              |                                 |                                 |
| 4        | Chi tiền thưởng                                                      |                                 |                                 |
| 5        | Chi phúc lợi tập thể                                                 |                                 |                                 |
| 6        | Các khoản đóng góp                                                   |                                 |                                 |
| 7        | Thanh toán dịch vụ công cộng                                         |                                 |                                 |

|    |                                        |  |  |
|----|----------------------------------------|--|--|
| 8  | Chi mua vật tư văn phòng               |  |  |
| 9  | Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền |  |  |
| 10 | Chi hội nghị                           |  |  |
| 11 | Chi công tác phí                       |  |  |
| 12 | Chi thuê mướn                          |  |  |
| 13 | Chi đoàn ra                            |  |  |
| 14 | Chi đoàn vào                           |  |  |
| 15 | Chi sửa chữa tài sản                   |  |  |
| 16 | Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý    |  |  |
| 17 | Chi phí khác                           |  |  |

| Chủ đầu tư/ BQLDA                            |                                                | Kho bạc Nhà nước .....                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên) | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Ký tên, đóng dấu) | Xác nhận:<br>- Kinh phí đã thanh toán theo đúng chế độ trong năm (20....) là: .... đồng;<br>- Kinh phí còn dư là:..... đồng;<br><br><b>Phụ trách thanh toán</b> <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)                      (Ký tên, đóng dấu) |

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- BQLDA.....;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02/QT-QLDA

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm...

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN**  
**Năm .....**

Tên Chủ đầu tư/ BQLDA:...

- Dự toán được duyệt theo Quyết định số.....ngày....tháng....năm.....:

- Kinh phí đề nghị quyết toán:

- Kinh phí đề nghị chuyển năm sau:

Chi tiết như sau:

| TT       | Nội dung                                                             | Dự toán<br>được duyệt<br>(Đồng) | Đề nghị<br>quyết toán<br>(Đồng) |
|----------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1        | 2                                                                    | 3                               | 4                               |
| <b>A</b> | <b>NGUỒN THU</b>                                                     |                                 |                                 |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                     |                                 |                                 |
| 1        | Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang                                 |                                 |                                 |
| 2        | Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý                           |                                 |                                 |
| 3        | Dự án bổ sung trong năm                                              |                                 |                                 |
| 4        | Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đã trừ các khoản thuế phải nộp |                                 |                                 |
| 5        | Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu và nguồn thu hợp pháp khác           |                                 |                                 |
| <b>B</b> | <b>CÁC KHOẢN CHI</b>                                                 |                                 |                                 |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                     |                                 |                                 |
| <b>I</b> | <b>Chi thường xuyên</b>                                              |                                 |                                 |
| 1        | Tiền lương                                                           |                                 |                                 |
| 1.1      | Lương theo chế độ                                                    |                                 |                                 |
| 1.2      | Chi thu nhập tăng thêm                                               |                                 |                                 |
| 2        | Tiền công                                                            |                                 |                                 |
| 3        | Các khoản phụ cấp lương                                              |                                 |                                 |
| 4        | Chi tiền thưởng                                                      |                                 |                                 |
| 5        | Chi phúc lợi tập thể                                                 |                                 |                                 |
| 6        | Các khoản đóng góp                                                   |                                 |                                 |
| 7        | Thanh toán dịch vụ công cộng                                         |                                 |                                 |
| 8        | Chi mua vật tư văn phòng                                             |                                 |                                 |
| 9        | Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền                               |                                 |                                 |
| 10       | Chi hội nghị                                                         |                                 |                                 |

|           |                                                        |  |  |
|-----------|--------------------------------------------------------|--|--|
| 11        | Chi công tác phí                                       |  |  |
| 12        | Chi thuê mướn                                          |  |  |
| 13        | Chi đoàn ra                                            |  |  |
| 14        | Chi đoàn vào                                           |  |  |
| 15        | Chi sửa chữa tài sản                                   |  |  |
| 16        | Chi phí khác                                           |  |  |
| <b>II</b> | <b>Chi không thường xuyên</b>                          |  |  |
| 1         | Chi đầu tư xây dựng cơ bản                             |  |  |
| 2         | Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án |  |  |
| 3         | Sửa chữa lớn tài sản cố định                           |  |  |
| 4         | Chi thực hiện tình giảm biên chế (nếu có)              |  |  |
| 5         | Chi khác                                               |  |  |

| Chủ đầu tư/ BQLDA                            |                                                | Kho bạc Nhà nước .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên) | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Ký tên, đóng dấu) | <p>Xác nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí đã thanh toán theo đúng chế độ trong năm (20....) là: .... đồng;</li> <li>- Kinh phí còn dư là:..... đồng;</li> </ul> <p><b>Phụ trách thanh toán</b>      <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br/>(Ký, ghi rõ họ tên)                      (Ký tên, đóng dấu)</p> |

CƠ QUAN DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số : /QĐ-

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

Căn cứ .....

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Xét đề nghị của ....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1** : Duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm....  
Của Chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý dự án)...

| TT       | Nội dung                                                                      | Dự toán<br>được duyệt<br>(đồng) | Quyết<br>toán<br>(đồng) |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|
| 1        | 2                                                                             | 3                               | 5                       |
| <b>A</b> | <b>NGUỒN THU</b>                                                              |                                 |                         |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                              |                                 |                         |
| 1        | Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang                                          |                                 |                         |
| 2        | Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý                                    |                                 |                         |
| 3        | Dự án bổ sung trong năm (nếu có)                                              |                                 |                         |
| 4        | Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) đã trừ các khoản thuế phải nộp |                                 |                         |
| 5        | Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu và nguồn thu hợp pháp khác                    |                                 |                         |
| <b>B</b> | <b>CÁC KHOẢN CHI</b>                                                          |                                 |                         |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                              |                                 |                         |
| <b>I</b> | <b>Chi thường xuyên</b>                                                       |                                 |                         |

|           |                                                        |  |  |
|-----------|--------------------------------------------------------|--|--|
| 1         | Tiền lương                                             |  |  |
| 1.1       | Lương                                                  |  |  |
| 1.2       | Thu nhập tăng thêm                                     |  |  |
| 2         | Tiền công                                              |  |  |
| 3         | Các khoản phụ cấp lương                                |  |  |
| 4         | Chi tiền thưởng                                        |  |  |
| 5         | Chi phúc lợi tập thể                                   |  |  |
| 6         | Các khoản đóng góp                                     |  |  |
| 7         | Thanh toán dịch vụ công cộng                           |  |  |
| 8         | Chi mua vật tư văn phòng                               |  |  |
| 9         | Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền                 |  |  |
| 10        | Chi hội nghị                                           |  |  |
| 11        | Chi công tác phí                                       |  |  |
| 12        | Chi thuê mướn                                          |  |  |
| 13        | Chi đoàn ra                                            |  |  |
| 14        | Chi đoàn vào                                           |  |  |
| 15        | Chi sửa chữa tài sản                                   |  |  |
| 16        | Chi phí khác                                           |  |  |
| <b>II</b> | <b>Chi không thường xuyên</b>                          |  |  |
| 1         | Chi đầu tư xây dựng cơ bản                             |  |  |
| 2         | Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án |  |  |
| 3         | Sửa chữa lớn tài sản cố định                           |  |  |
| 4         | Chi thực hiện tình gián biên chế (nếu có)              |  |  |
| 5         | Chi khác                                               |  |  |

**Điều 2:** Chủ đầu tư, Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- BQLDA....;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)